Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2904.20.10

Mã HS	2904.20.10
Mô tả hàng hóa	Dẫn xuất sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của hydrocarbon, đã hoặc chưa halogen hóa / - Các dẫn xuất chỉ chứa các nhóm nitro hoặc chỉ chứa các nhóm nitroso: / - - Trinitrotoluen
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	08/11/2026 07:05:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29042010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3900
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3900
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3900
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3845
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3806
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3806
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3806
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3806
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3806
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3806
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3844
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3844

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3844
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3844
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3844
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3844
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3848
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3848
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3848
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3848
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3848
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3848
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3848
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3812
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3808
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3808
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3808
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3808
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3808
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3808
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3808
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3808
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3808
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3808
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3808
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3808
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3855
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3855

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3855
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3855
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3855
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3855
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3852
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3852
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3852
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3852
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3852
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3852
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3860
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3860
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3860
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3860
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3860
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3860
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3831
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3831
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3831
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3831
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3831
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3831
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3833
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3833
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3833
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3833

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3833
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3833
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3831
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3831
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3831
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3831
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3831
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3831
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3831
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3852
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3852
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3852
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3852
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3852
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3852
RCEP B	2022	2022	0	B!D3852
RCEP B	2023	2023	0	B!E3852
RCEP B	2024	2024	0	B!F3852
RCEP B	2025	2025	0	B!G3852
RCEP B	2026	2026	0	B!H3852
RCEP B	2027	2027	0	B!I3852
RCEP C	2022	2022	0	C!D3852
RCEP C	2023	2023	0	C!E3852
RCEP C	2024	2024	0	C!F3852
RCEP C	2025	2025	0	C!G3852
RCEP C	2026	2026	0	C!H3852

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3852
RCEP D	2022	2022	0	D!D3852
RCEP D	2023	2023	0	D!E3852
RCEP D	2024	2024	0	D!F3852
RCEP D	2025	2025	0	D!G3852
RCEP D	2026	2026	0	D!H3852
RCEP D	2027	2027	0	D!I3852
RCEP E	2022	2022	0	E!D3855
RCEP E	2023	2023	0	E!E3855
RCEP E	2024	2024	0	E!F3855
RCEP E	2025	2025	0	E!G3855
RCEP E	2026	2026	0	E!H3855
RCEP E	2027	2027	0	E!I3855
RCEP F	2022	2022	0	F!D3852
RCEP F	2023	2023	0	F!E3852
RCEP F	2024	2024	0	F!F3852
RCEP F	2025	2025	0	F!G3852
RCEP F	2026	2026	0	F!H3852
RCEP F	2027	2027	0	F!I3852
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F3535
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G3535
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H3535
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I3535

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2904.20 có 2 dòng thuế; dòng 2904.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Trinitrotoluen.	2904.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2904.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2904.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3900), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.